

**Phụ lục VI**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/TDC-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương**
  - Mã chứng khoán/Mã thành viên: TDC
  - Địa chỉ: 26 – 27 Lô I, đường Đồng Khởi, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại liên hệ: 0274.2220666 Fax: 0274.2220678
  - E-mail: [tdc@becamextdc.com.vn](mailto:tdc@becamextdc.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2025, bao gồm các tài liệu sau:

- Báo cáo quản trị;
- Bản cung cấp thông tin quản trị;
- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty (phụ lục I);
- Danh sách giao dịch với người có liên quan (Phụ lục II, III).
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Phụ lục IV).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/07/2025 tại đường dẫn: <https://www.becamextdc.com.vn/shareholders/co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo quản trị
- Bản cung cấp thông tin quản trị năm
- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty (phụ lục I)
- Danh sách giao dịch với người có liên quan (Phụ lục II, III)
- Giao dịch cổ phiếu (PL IV)

**Đại diện tổ chức**  
**Người đại diện theo pháp luật**  
**Tổng Giám đốc**



**Đoàn Văn Thuận**



BC2507240229

**PHỤ LỤC SỐ V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CP KINH DOANH VÀ  
PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
TDC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/BC-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty 06 tháng năm 2025**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.**
- Địa chỉ trụ sở chính: 26-27 Lô I, đường Đồng Khởi, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0274 222 0666 Fax: 0274 222 0678
- Vốn điều lệ: 1.272.280.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: TDC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

| Stt | Số Nghị quyết                   | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|---------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | 24/4/2025 | Nghị quyết thông qua các nội dung: <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản lý năm 2024 và định hướng hoạt động trong năm 2025 đến năm 2025;</li><li>- Báo cáo tài chính kiểm toán và Phân phối lợi nhuận năm 2024;</li><li>- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025;</li><li>- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2025;</li></ul> |



BC2507240229

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 6 tháng năm 2025)

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

| Stt | Thành viên HĐQT          | Chức vụ                       | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| 01  | Ông Quảng Văn Viết Cương | CT. HĐQT – TV không điều hành | 11/11/2005                      |
| 02  | Ông Đoàn Văn Thuận       | Phó CT HĐQT – TV điều hành    | 01/04/2002                      |
| 03  | Ông Hồ Hoàn Thành        | TV HĐQT – TV điều hành        | 21/04/2023                      |
| 04  | Ông Lê Văn Hiền          | TV HĐQT – TV điều hành        | 21/04/2023                      |
| 05  | Ông Đặng Đình Phúc       | TV HĐQT – TV độc lập          | 23/04/2024                      |

### 2. Các cuộc họp HĐQT

| Stt | Thành viên HĐQT          | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 01  | Ông Quảng Văn Viết Cương | 16/16                    | 100%              |                         |
| 02  | Ông Đoàn Văn Thuận       | 16/16                    | 100%              |                         |
| 03  | Ông Hồ Hoàn Thành        | 16/16                    | 100%              |                         |
| 04  | Ông Lê Văn Hiền          | 16/16                    | 100%              |                         |
| 05  | Ông Đặng Đình Phúc       | 16/16                    | 100%              |                         |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề sau:

- Kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng quản trị đề ra; thường xuyên xem xét, đánh giá việc tổ chức triển khai công việc để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc.

- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản trị công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng 2025)



BC2507240229

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                                                                      |
|-----|---------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/NQ-HĐQT    | 10/01/2025 | Phê duyệt các giao dịch với người nội bộ và người có liên quan                                                                |
| 2   | 02/NQ-HĐQT    | 10/01/2025 | Thông qua vay vốn tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai                                                     |
| 3   | 03/NQ-HĐQT    | 10/01/2025 | Thông qua vay vốn tại Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)                                                              |
| 4   | 04/NQ-HĐQT    | 19/02/2025 | Thông qua giá cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong đợt chào bán riêng lẻ 35 triệu cổ phần |
| 5   | 05/NQ-HĐQT    | 28/02/2025 | Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để tiến hành ĐHĐCĐ 2025                                                                 |
| 6   | 06/NQ-HĐQT    | 21/03/2025 | Thông qua việc thành lập địa điểm kinh doanh                                                                                  |
| 7   | 07/NQ-HĐQT    | 25/03/2025 | Thông qua việc cử ông Đoàn Văn Thuận là người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước                             |
| 8   | 08/NQ-HĐQT    | 03/04/2025 | Thông qua việc vay vốn Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)                                                                    |
| 9   | 09/NQ-HĐQT    | 03/04/2025 | Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025                                                 |
| 10  | 10/NQ-HĐQT    | 21/04/2025 | Thông qua việc vay vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – chi nhánh Bình Dương (BIDV)                                      |
| 11  | 11/NQ-HĐQT    | 23/04/2025 | Điều chỉnh và bổ sung nội dung Đại hội đồng cổ đông 2025                                                                      |
| 12  | 12/NQ-HĐQT    | 09/05/2025 | Giao thầu thi công dự án Khu dân cư TDC Hòa Lợi                                                                               |
| 13  | 13/NQ-HĐQT    | 12/05/2025 | Thông qua việc tiếp tục phân phối cổ phiếu chưa đăng ký mua hết                                                               |
| 14  | 14/NQ-HĐQT    | 16/05/2025 | Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ                                                                                  |
| 15  | 15/NQ-HĐQT    | 09/06/2025 | Thông qua phương án mua lại trước hạn một phần trái phiếu 350 tỷ đồng                                                         |
| 16  | 16/NQ-HĐQT    | 30/06/2025 | Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025                                                                    |



BC2507240229

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng năm 2025)

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| Stt | Thành viên BKS           | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS |
|-----|--------------------------|------------|--------------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Hải Hoàng     | Trưởng BKS | 22/04/2022                     |
| 2   | Bà Huỳnh Thị Quế Anh     | TV BKS     | 22/04/2022                     |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan | TV BKS     | 24/04/2014                     |

#### 2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS           | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Hải Hoàng     | 1/1                     | 100%              |                         |
| 2   | Bà Huỳnh Thị Quế Anh     | 1/1                     | 100%              |                         |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan | 1/1                     | 100%              |                         |

#### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua việc tham gia các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan đến lợi ích của công ty.

Giám sát việc ban hành các nghị quyết của HĐQT theo đúng chức năng nhiệm vụ quy định và triển khai thực hiện các Nghị quyết HĐQT của Ban Tổng Giám đốc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo quy định.

Công ty luôn cập nhật và thực hiện báo cáo về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn gửi các tài liệu, báo cáo, biên bản họp để BKS kiểm tra, rà soát và giải trình kịp thời các yêu cầu của Ban kiểm soát và tạo mọi điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ quy định tại quy chế hoạt động BKS.

#### 5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

### IV. Ban Điều hành

| Stt | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ             | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------------------------------|---------------|
| 1   | Ông Đoàn Văn Thuận | 15/06/1967          | Thạc sĩ Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh | 19/06/2024    |
| 2   | Ông Hồ Hoàn Thành  | 24/12/1970          | Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh  | 19/06/2024    |



BC2507240229

| Stt | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| 3   | Ông Lê Văn Hiền        | 08/12/1970          | Kỹ sư ngành Xây dựng          | 21/8/2017     |
| 4   | Ông Nguyễn Thành Trung | 04/12/1972          | Cử nhân QTKD, Luật sư         | 11/04/2024    |

#### V. Kế toán trưởng

| SST | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| 01  | Bà Huỳnh Thị Ngọc Tuyết | 12/08/1974          | Cử nhân Kế toán               | 30/12/2021    |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty đã tham gia chương trình đào tạo “Quản trị Công ty” ngày 18-19/7/2013 do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức tại Bình Dương. Thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về quản trị công ty và Luật doanh nghiệp do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM và các đơn vị chức năng tổ chức.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

- Danh sách về người có liên quan của công ty: **Phụ lục I đính kèm báo cáo.**
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục II đính kèm báo cáo.**
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có
- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có
  - Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): **Phụ lục III đính kèm báo cáo.**
  - Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có
  - Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.



BC2507240229

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng năm 2025)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục I** đính kèm báo cáo.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: **Phụ lục IV** đính kèm báo cáo.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Quảng Văn Việt Cường*

041  
ÔNG  
C P  
ĐC  
HÁT  
INI  
TƯ N



BC2507240229

**PHỤ LỤC I**  
**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CTCP KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Thời điểm chốt thông tin: ngày 30/06/2025

| STT  | Mã CK | Họ tên                                                         | Tài khoản giao dịch CK | Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ | Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ | Loại hình giấy NSH |  |  |  |  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ | Ghi chú |
|------|-------|----------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--|--|--|--|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| 1    | 2     | 3                                                              | 4                      | 5                                         | 6                                         | 7                  |  |  |  |  |                            |                               | 14                                                               |         |
| 1    | TDC   | Quảng Văn Viết Cường                                           | 004CA10648             | Chủ tịch Hội đồng quản trị                |                                           | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.01 | TDC   | Phạm Thị Lan Thảo                                              | 004CA07377             |                                           | Vợ                                        | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.02 | TDC   | Quảng Quốc Trục                                                |                        |                                           | Con                                       | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.03 | TDC   | Quảng Quốc Việt                                                |                        |                                           | Con                                       | Không có           |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.04 | TDC   | Lê Thị Thành                                                   |                        |                                           | Mẹ đẻ                                     | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.05 | TDC   | Quảng Thị Tuyết Mai                                            |                        |                                           | Em ruột                                   | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.06 | TDC   | Nguyễn Hoàng Phúc                                              |                        |                                           | Em rể                                     | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.07 | TDC   | Quảng Thị Tuyết Phương                                         |                        |                                           | Em ruột                                   | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.08 | TDC   | Nguyễn Minh Hoàng                                              |                        |                                           | Em rể                                     | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.09 | TDC   | Quảng Thị Tuyết Nhung                                          |                        |                                           | Em ruột                                   | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.10 | TDC   | Nguyễn Thế Hùng                                                |                        |                                           | Em rể                                     | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.11 | TDC   | Phạm Thị Bảy                                                   |                        |                                           | Mẹ vợ                                     | CCCD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.12 | TDC   | CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (IJC)                         |                        |                                           | TCLQ – Phó Chủ tịch HĐQT                  | ĐKKD               |  |  |  |  |                            |                               | 11/11/2005                                                       |         |
| 1.13 | TDC   | CTCP Bệnh viện Mỹ Phước                                        |                        |                                           | TCLQ - Chủ tịch HĐQT                      | ĐKKD               |  |  |  |  |                            |                               | 12/11/2005                                                       |         |
| 1.14 | TDC   | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước |                        |                                           | TCLQ - Phó Chủ tịch HĐQT                  | ĐKKD               |  |  |  |  |                            |                               | 13/11/2005                                                       |         |



**BC2507240229**



|      |     |                                                    |            |                                           |                           |      |  |  |  |  |           |       |            |                                  |
|------|-----|----------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|---------------------------|------|--|--|--|--|-----------|-------|------------|----------------------------------|
| 2    | TDC | Đoàn Văn Thuận                                     | 004CA02955 | Phó Chủ tịch HĐQT -<br>Kiêm Tổng Giám Đốc |                           | CCCD |  |  |  |  | 20.400    | 0,016 | 04/01/2002 |                                  |
| 2.01 | TDC | Nguyễn Thị Ngọc Diệp                               | 004CA00032 |                                           | Vợ                        | CCCD |  |  |  |  | 2.000     | 0,001 | 04/01/2002 |                                  |
| 2.02 | TDC | Đoàn Văn Thiện                                     |            |                                           | Con                       | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.03 | TDC | Đoàn Thị Hoàng Mai                                 |            |                                           | Con                       | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.04 | TDC | Phạm Thị Ngọc                                      |            |                                           | Mẹ đẻ                     | CMND |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 | Chưa làm CCCD<br>do sức khỏe yếu |
| 2.05 | TDC | Đoàn Thị Hạnh                                      |            |                                           | Em gái                    | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.06 | TDC | Nguyễn Văn Hùng                                    |            |                                           | Em rể                     | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.07 | TDC | Đoàn Văn Thảo                                      |            |                                           | Em ruột                   | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.08 | TDC | Trần Thị Kim Thùy                                  |            |                                           | Em dâu                    | CCCD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.09 | TDC | CTCP Xi măng Hà Tiên Kiên Giang –<br>Becamex (HBC) |            |                                           | TCLQ - Chủ tịch<br>HĐQT   | ĐKKD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.10 | TDC | CTCP Vật liệu Xây dựng Becamex<br>(CMC)            |            |                                           | TCLQ - Chủ tịch<br>HĐQT   | ĐKKD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 2.11 | TDC | CTCP Bệnh viện Mỹ Phước                            |            |                                           | TCLQ - thành<br>viên HĐQT | ĐKKD |  |  |  |  |           |       | 09/04/2021 |                                  |
| 2.12 | TDC | Công ty CP Phát triển Giáo dục Miền<br>Đông        |            |                                           | TCLQ - Thành<br>viên HĐQT | ĐKKD |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                  |
| 3    | TDC | Hồ Hoàn Thành                                      |            | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc |                           | CCCD |  |  |  |  | 1.000.000 | 0,78  | 29/04/2014 |                                  |
| 3.01 | TDC | Hồ Hoàng Phúc Thịnh                                |            |                                           | Con                       | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |
| 3.02 | TDC | Hồ Hoàng Phúc Khang                                |            |                                           | Con                       | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |
| 3.03 | TDC | Hồ Văn In                                          |            |                                           | Ba                        | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |
| 3.04 | TDC | Đồng Ngọc Ân                                       |            |                                           | Mẹ                        | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |
| 3.05 | TDC | Hồ Thị Mỹ Hạnh                                     |            |                                           | Em ruột                   | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |
| 3.06 | TDC | Hồ Đồng Tâm                                        |            |                                           | Em ruột                   | CCCD |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                  |



BC2507240229

|      |     |                      |  |                                           |          |      |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|----------------------|--|-------------------------------------------|----------|------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 3.07 | TDC | Lù Nhật Chánh        |  |                                           | Em dâu   | CCCD |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.08 | TDC | Hồ Thị Mỹ Phương     |  |                                           | Em ruột  | CCCD |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.09 | TDC | Nguyễn Trung Nghĩa   |  |                                           | Em rể    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.10 | TDC | Hồ Thị Mỹ Duyên      |  |                                           | Em ruột  | CCCD |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.11 | TDC | Nguyễn Đỗ Minh Tường |  |                                           | Em rể    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 4    | TDC | Lê Văn Hiền          |  | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc |          | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.01 | TDC | Nguyễn Thị Bích Liễu |  |                                           | Vợ       | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.02 | TDC | Lê Phát Đạt          |  |                                           | Con      | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.03 | TDC | Lê Phương Uyên Nghi  |  |                                           | Con      | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.04 | TDC | Lê Mỹ Thanh          |  |                                           | Chị ruột | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.05 | TDC | Kỷ Phi Hùng          |  |                                           | Anh rể   | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.06 | TDC | Lê Mỹ Phương         |  |                                           | Chị ruột | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.07 | TDC | Lê Mỹ Phương         |  |                                           | Chị ruột | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.08 | TDC | Đình Quang Hiền      |  |                                           | Anh rể   | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.09 | TDC | Lê Mỹ Nương          |  |                                           | Chị ruột | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.10 | TDC | Nguyễn Đình Độ       |  |                                           | Anh rể   | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.11 | TDC | Lê Mỹ Hòa            |  |                                           | Em ruột  | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.12 | TDC | Võ Anh Tuấn          |  |                                           | Em rể    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.13 | TDC | Lê Văn Bình          |  |                                           | Em ruột  | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.14 | TDC | Đình Thị Phương Lam  |  |                                           | Em dâu   | CCCD |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |



BC2507240229

|      |     |                                                   |            |                         |                   |          |  |  |  |  |         |      |            |  |
|------|-----|---------------------------------------------------|------------|-------------------------|-------------------|----------|--|--|--|--|---------|------|------------|--|
| 5    | TDC | Đặng Đình Phúc                                    | 116C014574 | Thành viên HĐQT độc lập |                   | CCCD     |  |  |  |  | 500.000 | 0,39 | 31/08/2017 |  |
| 5.01 | TDC | Đặng Đình Tuấn                                    |            |                         | Cha ruột          | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.02 | TDC | Hà Thị Ngọc Cẩm                                   |            |                         | Mẹ ruột           | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.03 | TDC | Trần Lê Trâm                                      |            |                         | Vợ                | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.04 | TDC | Đặng Đình Nhân                                    |            |                         | Con               | Không có |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.05 | TDC | Đặng Đình Phong                                   |            |                         | Con               | Không có |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.06 | TDC | Đặng Tuấn Phát                                    |            |                         | Em ruột           | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.07 | TDC | Phan Thị Bích Trâm                                |            |                         | Em vợ             | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.08 | TDC | Trần Văn Trung                                    |            |                         | Cha vợ            | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.09 | TDC | Lê Thị Bông Cúc                                   |            |                         | Mẹ vợ             | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 6    | TDC | Nguyễn Hải Hoàng                                  |            | Trưởng Ban Kiểm soát    |                   | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 22/04/2022 |  |
| 6.01 | TDC | Nguyễn Hải Bằng                                   |            |                         | Ba                | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 23/04/2022 |  |
| 6.02 | TDC | Võ Thị Phước                                      |            |                         | Mẹ                | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 24/04/2022 |  |
| 6.03 | TDC | Nguyễn Thị Mỹ Trà                                 |            |                         | Em gái            | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 25/04/2022 |  |
| 6.04 | TDC | Nguyễn Tuyết Phương Anh                           |            |                         | Vợ                | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.05 | TDC | Nguyễn Hữu Tú                                     |            |                         | Ba vợ             | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.06 | TDC | Lê Tuyết Nhung                                    |            |                         | Mẹ vợ             | CCCD     |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.07 | TDC | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (ITC) |            |                         | TCLQ - Trưởng BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |



**BC2507240229**

|      |     |                                                   |                          |                          |                       |          |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|---------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 6.08 | TDC | CTCP Phát triển Đô thị (UDJ)                      |                          |                          | TCLQ - Trưởng BKS     | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 6.09 | TDC | CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE)      |                          |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 6.10 | TDC | CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam (VNTT)    |                          |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 7    | TDC | <b>Huỳnh Thị Quế Anh</b>                          | 004CA11072<br>091C608022 | Thành viên Ban Kiểm soát |                       | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.01 | TDC | Huỳnh Thanh Tân                                   |                          |                          | Cha ruột              | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.02 | TDC | Phạm Nguyễn Quốc Thông                            | 105C243906               |                          | Chồng                 | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.03 | TDC | Phạm Huỳnh Ánh Minh                               |                          |                          | Con đẻ                | Không có |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.04 | TDC | Phạm Nhật Thiên                                   |                          |                          | Con đẻ                | Không có |  |  |  |  |  |  | 22/04/2022 |  |
| 7.05 | TDC | Huỳnh Thị Quế Chi                                 |                          |                          | Em ruột               | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.06 | TDC | Ngô Đức Phúc                                      |                          |                          | Em rể                 | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.07 | TDC | Phạm Văn Đăng                                     |                          |                          | Ba chồng              | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.08 | TDC | Nguyễn Thị Nguyệt                                 |                          |                          | Mẹ chồng              | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.09 | TDC | CTCP Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCE)       |                          |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.10 | TDC | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển CN – CTCP (BCM) |                          |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.11 | TDC | CTCP Phát triển Đô thị (UDJ)                      |                          |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.12 | TDC | CTCP Cao su Bình Dương                            |                          |                          | TCLQ - Trưởng BKS     | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 04/04/2025 |  |
| 7.13 | TDC | CTCP Dược phẩm Savi                               |                          |                          | TCLQ - Trưởng BKS     | ĐKKD     |  |  |  |  |  |  | 25/02/2025 |  |



**BC2507240229**

|      |     |                                                                     |  |                          |                       |      |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|---------------------------------------------------------------------|--|--------------------------|-----------------------|------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 7.14 | TDC | CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - VSIP                       |  |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD |  |  |  |  |  |  | 10/02/2025 |  |
| 7.16 | TDC | CTCP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex                              |  |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.17 | TDC | CTCP Phát triển hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước               |  |                          | TCLQ - Thành viên BKS | ĐKKD |  |  |  |  |  |  | 05/04/2024 |  |
| 7.18 | TDC | CTCP Đường Cao Tốc Thành Phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành |  |                          | TCLQ - Trưởng BKS     | ĐKKD |  |  |  |  |  |  | 04/04/2025 |  |
| 8    | TDC | <b>Nguyễn Thị Tuyết Loan</b>                                        |  | Thành viên Ban Kiểm soát |                       | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.01 | TDC | Nguyễn Việt Nam                                                     |  |                          | Ba                    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.02 | TDC | Trần Thị Sáu                                                        |  |                          | Mẹ                    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.03 | TDC | Nguyễn Chí Đại                                                      |  |                          | Chồng                 | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.04 | TDC | Nguyễn Việt Cường                                                   |  |                          | Em trai               | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.05 | TDC | Nguyễn Thị Hồng Oanh                                                |  |                          | Em gái                | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.06 | TDC | Phạm Huỳnh Sơn                                                      |  |                          | Em rể                 | CCCD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.07 | TDC | CTCP Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex (HBC)                     |  |                          | TCLQ - Trưởng BKS     | ĐKKD |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 9    | TDC | <b>Nguyễn Thành Trung</b>                                           |  | Phó Tổng Giám đốc        |                       | CCCD |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.01 | TDC | Nguyễn Văn Trung                                                    |  |                          | Ba đẻ                 | CCCD |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.02 | TDC | Nguyễn Kim Đọt                                                      |  |                          | Mẹ đẻ                 | CCCD |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.03 | TDC | Nguyễn Thị Thom                                                     |  |                          | Mẹ vợ                 | CCCD |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.04 | TDC | Nguyễn Thị Ngọc Hòa                                                 |  |                          | Vợ                    | CCCD |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |



**BC2507240229**

|       |     |                       |            |                                |          |          |  |  |  |  |  |  |            |  |
|-------|-----|-----------------------|------------|--------------------------------|----------|----------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 9.05  | TDC | Nguyễn Ngọc Thùy Trâm |            |                                | Con gái  | Không có |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 10    | TDC | Huỳnh Thị Ngọc Tuyết  |            | Kế toán trưởng                 |          | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.01 | TDC | Huỳnh Văn Hùng        |            |                                | Ba ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.02 | TDC | Nguyễn Thị Lan        |            |                                | Mẹ ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.03 | TDC | Huỳnh Minh Tâm        |            |                                | Em ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.04 | TDC | Huỳnh Minh Sự         |            |                                | Em ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.05 | TDC | Trần Viết Khôi        |            |                                | Chồng    | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.06 | TDC | Trần Gia Khiêm        |            |                                | Con ruột | Không có |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.07 | TDC | Trần Gia Hân          |            |                                | Con ruột | Không có |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 11    | TDC | Trịnh Thị Thu         | 004CA10754 | Nhân viên<br>Công bố thông tin |          | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.01 | TDC | Nguyễn Văn Pha        |            |                                | Chồng    | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.02 | TDC | Nguyễn Tuấn Dương     |            |                                | Con      | Không có |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.03 | TDC | Nguyễn Xuân Vĩnh      |            |                                | Con      | Không có |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.04 | TDC | Trịnh Văn Ái          |            |                                | Ba ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.05 | TDC | Phạm Thị Thanh        |            |                                | Mẹ ruột  | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.06 | TDC | Hà Thị Xuân           |            |                                | Mẹ chồng | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.07 | TDC | Nguyễn Văn Kỳ         |            |                                | Ba Chồng | CCCD     |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |



BC2507240229

**PHỤ LỤC II**  
**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI**  
**CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**KỲ BÁO CÁO: 6 T đầu Năm 2025**

| STT | Tên Công ty                                          | Mối quan hệ liên quan với công ty | Địa chỉ trụ sở chính                                                        | Thời điểm giao dịch           | Số Nghị quyết HĐQT thông qua (nếu có) | Nội dung giao dịch                           | Giá trị giao dịch (ĐVT: VNĐ) |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | Công ty liên kết                  | WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh        | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Bán hàng hóa thành phẩm, công trình xây dựng | 94.105.281.485               |
|     |                                                      |                                   |                                                                             |                               |                                       | Mua hàng hóa dịch vụ, thuê mặt bằng          | 50.756.487.085               |
| 2   | Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex            | Công ty con                       | Thửa đất số 1113, TĐĐ số 61, Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh. | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ            | 4.215.059.718                |
|     |                                                      |                                   |                                                                             |                               |                                       | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa                | 3.655.731.204                |
|     |                                                      |                                   |                                                                             |                               |                                       | Cổ tức, tăng vốn góp, lãi phạt               | 2.916.000.000                |



| STT | Tên Công ty                                                      | Mối quan hệ liên quan với công ty | Địa chỉ trụ sở chính                                                                     | Thời điểm giao dịch           | Số Nghị quyết HĐQT thông qua (nếu có) | Nội dung giao dịch                            | Giá trị giao dịch (ĐVT: VNĐ) |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------|
| 3   | Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex               | Công ty con                       | Lô G-1A-CN, Đường D1, KCN MP1, Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh                           | Từ tháng 02 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa                 | 63.842.595                   |
| 4   | Công Ty Liên Doanh TNHH SinViet                                  | Công ty liên danh                 | Số 2B Đại Lộ Tự Do, Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore, phường Thuận An, TP. Hồ Chí Minh | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Mua hàng hóa, dịch vụ, lợi nhuận được chia    | 120.114.000                  |
| 5   | Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam               | Công ty cùng tập đoàn             | 21VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh                   | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Mua dịch vụ, hàng hóa, xây dựng               | 314.713.953                  |
| 6   | Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Giao Thông Bình Dương                | Công ty cùng tập đoàn             | Đường Đồng Khởi, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh                                      | Tháng 06/2025                 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Xây dựng công trình, Bán hàng hóa, thành phẩm | 67.876.034.706               |
| 7   | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước | Công ty cùng tập đoàn             | Quốc lộ 14, Tổ 8, Khu phố 3, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai                            | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Mua hàng hóa, dịch vụ                         | 109.676.659                  |
|     |                                                                  |                                   |                                                                                          |                               |                                       | Bán hàng hóa, thành phẩm                      | 4.131.923.678                |





| STT | Tên Công ty                                                         | Mối quan hệ liên quan với công ty     | Địa chỉ trụ sở chính                                                                 | Thời điểm giao dịch           | Số Nghị quyết HĐQT thông qua (nếu có) | Nội dung giao dịch                              | Giá trị giao dịch (ĐVT: VNĐ) |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|
| 8   | CN Becamex IDC Corp- Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Bình Dương | Công ty cùng tập đoàn                 | Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh            | Từ tháng 01 đến tháng 03/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Bán hàng hóa, thành phẩm                        | 7.710.185                    |
| 9   | Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex                                 | Công ty cùng tập đoàn                 | Đường Lý Thái Tổ, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh                                 | Từ tháng 02 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Bán hàng hóa, thành phẩm                        | 943.268.522                  |
| 10  | Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước                                  | Công ty cùng tập đoàn                 | KCN Mỹ Phước, phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh                                        | Tháng 06/2025                 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Cổ tức                                          | 1.360.000.000                |
| 11  | Công ty TNHH Giải Pháp VNTT                                         | Công ty cùng tập đoàn                 | KCN VSIP II, Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh                                      | Tháng 01/2025                 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Mua hàng hóa, dịch vụ                           | 135.000.000                  |
| 12  | Công ty TNHH VSIP Hải Phòng                                         | Công ty liên quan của công ty góp vốn | Khu đô thị Công nghiệp và Dịch vụ, Phường Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025            | Lợi nhuận hợp tác kinh doanh tạm chia           | 129.367.926.790              |
|     |                                                                     |                                       |                                                                                      |                               |                                       | Tạm ứng lại một phần vốn góp hợp tác kinh doanh | 394.840.669.585              |



**PHỤ LỤC III**  
**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI TỔ CHỨC CÓ LIÊN CỬA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**KỲ BÁO CÁO: 6 tháng đầu năm 2025**

| STT | Tên Công ty                                        | Địa chỉ trụ sở chính                                                                     | Mối quan hệ với người nội bộ                                                                    | Thời điểm giao dịch           | Số Nghị quyết HĐQT thông qua | Nội dung giao dịch                         | Giá trị giao dịch (ĐVT: VND) |
|-----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex          | Thửa đất số 1113, TĐĐ số 61, Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh.              | Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TDC kiêm Tổng Giám Đốc đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CMC         | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025   | Bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ          | 4.215.059.718                |
|     |                                                    |                                                                                          |                                                                                                 |                               |                              | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa              | 3.655.731.204                |
|     |                                                    |                                                                                          |                                                                                                 |                               |                              | Cổ tức, tăng vốn góp, lãi phạt             | 2.916.000.000                |
| 2   | Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex | Lô G-1A-CN, Đường D1, KCN MP1, Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh                           | Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TDC kiêm Tổng Giám Đốc đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CMC         | Từ tháng 02 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025   | Mua nguyên vật liệu, hàng hóa              | 63.842.595                   |
| 3   | Công Ty Liên Doanh TNHH SinViet                    | Số 2B Đại Lộ Tự Do, Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore, phường Thuận An, TP. Hồ Chí Minh | Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TDC kiêm Tổng Giám Đốc đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty SinViet | Từ tháng 01 đến tháng 06/2025 | 01/NQ-HĐQT ngày 10/01/2025   | Mua hàng hóa, dịch vụ, lợi nhuận được chia | 120.114.000                  |



**Phụ lục IV**  
**Báo cáo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**06 tháng đầu năm 2025**

| Người giao dịch    | Chức vụ                      | Người liên quan |         | SL CP<br>trước GD | Đăng ký   |        |              |               | Kết quả   |        |                | SLCP<br>sau GD | Tỷ lệ % |
|--------------------|------------------------------|-----------------|---------|-------------------|-----------|--------|--------------|---------------|-----------|--------|----------------|----------------|---------|
|                    |                              | Tên             | Chức vụ |                   | Mua       | Bán    | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Mua       | Bán    | Ngày thực hiện |                |         |
| Ông Đặng Đình Phúc | Thành viên HĐQT độc lập      |                 |         | 139.000           |           | 39.000 | 20/02/2025   | 20/03/2025    |           | 39.000 | 20/03/2025     | 100.000        | 0,1     |
| Ông Đặng Đình Phúc | Thành viên HĐQT độc lập      |                 |         | 100.000           | 400.000   |        | 14/05/2025   | 12/06/2025    | 400.000   |        | 22/05/2025     | 500.000        | 0,39    |
| Ông Hồ Hoàn Thành  | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ |                 |         | 0                 | 1.000.000 |        | 14/05/2025   | 12/06/2025    | 1.000.000 |        | 22/05/2025     | 1.000.000      | 0,78    |



**BC2507240229**

Mẫu NY-02

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH**  
**VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 01/BCCTTQT
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2025**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

| STT |                      | Câu hỏi                                                                                                                                            | Phản trả lời |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Thông tin chung      | Mã chứng khoán                                                                                                                                     | TDC          |
| 2   |                      | Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)                                                                                                              | 47,71%       |
| 3   |                      | Mô hình công ty (1 hoặc 2)<br>▪ 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020<br>▪ 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 | 1            |
| 4   |                      | Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?                                                                                                | 1            |
| 5   |                      | Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Có/Không)?                                                                                         | Có           |
| 6   |                      | Công ty có Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP                                              | Có           |
| 7   | Đại hội đồng Cổ Đông | Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường                                                                                          | 24/04/2025   |
| 8   |                      | Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo                                                                                       | 01/04/2025   |
| 9   |                      | Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông                                                                                           | 25/04/2025   |
| 10  |                      | Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)                                                                              | 1            |
| 11  |                      | Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)                                   | Không        |
| 12  |                      | Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông                         | 0            |
| 13  |                      | Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông                      | 0            |
| 14  | Hội đồng quản trị    | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị                                                                                                              | 5            |
| 15  |                      | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập                                                                                                      | 1            |
| 16  |                      | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không)                                                                            | Không        |
| 17  |                      | Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị                                                                                                                | 16           |

| STT |               | Câu hỏi                                                                                                                                                                                 | Phản trả lời  |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 18  |               | Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không)                                                                                                                                        | Không         |
| 19  |               | Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/                                                                                                                                          | Không         |
| 20  |               | Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)                                                                                       | Không         |
| 21  |               | Công ty có bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty                                                                                                                                    | Có            |
| 22  | Ban kiểm soát | Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?                                                                                                                                  | Không         |
| 23  |               | Số lượng TV Ban Kiểm soát                                                                                                                                                               | 3             |
| 24  |               | Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có)   | 0             |
| 25  |               | Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý (liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có)                                                                                                  | 0             |
| 26  |               | Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước khi được bầu vào BKS (Có/Không) | 0             |
| 27  |               | Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát                                                                                                                                                         | 1             |
| 28  |               | Công ty có Ủy ban kiểm toán không (Có/Không)                                                                                                                                            | Không         |
| 29  |               | Ủy ban kiểm toán trực thuộc bộ phận HĐQT?                                                                                                                                               | Không         |
| 30  |               | Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán                                                                                                                                                    | 0             |
|     |               | Số lượng cuộc họp của Ủy ban kiểm toán                                                                                                                                                  | 0             |
| 31  | Vấn đề khác   | Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)                                                                                                         | Có            |
| 32  |               | Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)                                                                                  | Không chi trả |
| 33  |               | Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)                                            | Không         |
|     |               |                                                                                                                                                                                         |               |

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Đoàn Văn Thuận**



BC2507240229

## Phụ lục VI

### PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**BINH DUONG TRADE AND  
DEVELOPMENT JOINT - STOCK  
COMPANY**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

No.: 17/TDC-CBTT

Ho Chi Minh City, July 25, 2025

### PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

**To: Hochiminh Stock Exchange**

1. Name of company: **Binh Duong Trading and Development Joint - Stock Company**

- Stock code: TDC

- Address: Lot 26-27 I, Dong Khoi Street, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City

- Telephone: 0274.2220666 Fax: 0274.2220678

- E-mail: [tdc@becamextdc.com.vn](mailto:tdc@becamextdc.com.vn)

2. Contents of disclosure:

The disclosure of the Corporate Governance Report for the first six months of fiscal year 2025, including the following documents:

1. Report on corporate governance;

2. Information on corporate governance;

3. The list of internal persons and their affiliated persons (Appendix I);

4. List of Transactions with Related Parties (Appendix II, III);

5. Report on Share Transactions of Insiders And Related Persons Of Insiders (Appendix IV).

3. This information was published on the company's website on July 25, 2025, as in the link: <https://www.becamextdc.com.vn/shareholders/co-dong>

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

#### ***Tài liệu đính kèm:***

#### ***Attached documents:***

- Corporate Governance Report for the first six months of fiscal year 2025;
- Information on corporate governance;
- The list of internal persons and their affiliated persons (Appendix I);
- List of Transactions with Related Parties (Appendix II, III);
- Report on Share Transactions of Insiders And Related Persons Of Insiders (Appendix IV)

**Representative of the Company**

**Legal representative**

**General Director**



**Đoàn Văn Thuận**



**BC2507240229**

**Appendix V**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Attached to Circular No. 96/2021/TT-BTC dated November 16, 2021 by the Minister of Finance)*

**BINH DUONG TRADE AND  
DEVELOPMENT JOINT - STOCK  
COMPANY  
TDC**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

*Ho Chi Minh city, July 23, 2025*

No: 02/BC-HDQT

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**The first 6 months of 2025**

**To:**

- **The State Securities Commission**
- **Stock Exchange**

- Name of company: BINH DUONG TRADE AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

- Address of headoffice: 26-27, Lot I, Dong Khoi Street, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Telephone: 0274 222 0666 Fax: 0274 222 0678

- Charter Capital: 1.272.280.000.000 VND

- Stock symbol: TDC

- Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and General Director.

- Regarding the Implementation of Internal Audit Function: Implemented

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders**

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders:

| No | Resolution                                        | Date      | Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|---------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | Resolution of the General Meeting of Shareholders | 24/4/2025 | Resolution approving the following contents: <ul style="list-style-type: none"><li>- Report of the Board of Directors on management activities in 2024 and strategic directions for 2025;</li><li>- Audited financial statements and Profit distribution for 2024;</li><li>- Business production plan and profit distribution plan for 2025;</li><li>- Selection of an independent audit firm for 2025.</li></ul> |



**BC2507240229**

## II. The Board of Directors (The first 6 months of 2025 Report)

### 1. Information about the members of the Board of Directors

| No | Board of Directors' members | Position                                     | The date becoming to be the member of the Board of Directors |
|----|-----------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 01 | Mr. Quang Van Viet Cuong    | The Chairman of BODs – Non-executive members | 11/11/2005                                                   |
| 02 | Mr. Doan Van Thuan          | Vice Chairman – Executive members            | 01/04/2002                                                   |
| 03 | Mr. Ho Hoan Thanh           | Member of BODs – Executive members           | 21/04/2023                                                   |
| 04 | Mr. Le Van Hien             | Member of BODs – Executive members           | 21/04/2023                                                   |
| 05 | Mr. Dang Dinh Phuc          | Member of BODs – Independent members         | 23/04/2024                                                   |

### 2. Meetings of the Board of Directors

| No | Board of Directors' members | Number of meetings attended by Board of Director | Attendance rate | Reasons for absence |
|----|-----------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 01 | Mr. Quang Van Viet Cuong    | 16/16                                            | 100%            |                     |
| 02 | Mr. Doan Van Thuan          | 16/16                                            | 100%            |                     |
| 03 | Mr. Ho Hoan Thanh           | 16/16                                            | 100%            |                     |
| 04 | Mr. Le Van Hien             | 16/16                                            | 100%            |                     |
| 05 | Mr. Dang Dinh Phuc          | 16/16                                            | 100%            |                     |

### 3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors

The Board of Directors regularly monitors the activities of the Executive Board and other management and operational tasks, coordinating with the Supervisory Board to examine the following matters:

- Regularly inspecting and supervising the Executive Board in implementing the targets and plans set by the Board of Directors; continuously reviewing and evaluating the organization and execution of tasks to achieve business plans and economic targets, and providing timely guidance to the Executive Board.
- Conducting frequent checks on compliance with and adherence to the provisions of the Law on Enterprises, the company charter, corporate governance regulations, and applicable state regulations





**4. Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None****5. Decisions of the Board of Directors (The first 6 months of 2025 Report)**

| No | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                                         |
|----|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 01/NQ-HĐQT              | 10/01/2025 | Approval of transactions with insiders and related parties                                                                      |
| 2  | 02/NQ-HĐQT              | 10/01/2025 | Approval of the loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank) – Dong Nai Branch             |
| 3  | 03/NQ-HĐQT              | 10/01/2025 | Approval of the loan from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank).                                  |
| 4  | 04/NQ-HĐQT              | 19/02/2025 | Approval of the offering price for the private placement of 35 million shares to professional securities investors.             |
| 5  | 05/NQ-HĐQT              | 28/02/2025 | Approval of the record date for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM).                                          |
| 6  | 06/NQ-HĐQT              | 21/03/2025 | Approval of the establishment of a business location.                                                                           |
| 7  | 07/NQ-HĐQT              | 25/03/2025 | Approval of the appointment of Mr. Doan Van Thuan as the capital representative at My Phuoc Hospital Joint Stock Company.       |
| 8  | 08/NQ-HĐQT              | 03/04/2025 | Approval of the loan from Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank).                                                      |
| 9  | 09/NQ-HĐQT              | 03/04/2025 | Approval of the time, venue, and agenda for the Annual General Meeting of Shareholders (AGM) in 2025.                           |
| 10 | 10/NQ-HĐQT              | 21/04/2025 | Approval of the loan from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Binh Duong Branch. |
| 11 | 11/NQ-HĐQT              | 23/04/2025 | Amendments and supplements to the agenda of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)                               |
| 12 | 12/NQ-HĐQT              | 09/05/2025 | Awarding of the construction contract for the TDC Hoa Loi Residential Area project                                              |
| 13 | 13/NQ-HĐQT              | 12/05/2025 | Approval of the results of the private placement.                                                                               |
| 14 | 14/NQ-HĐQT              | 16/05/2025 | Approval of the results of the private placement                                                                                |
| 15 | 15/NQ-HĐQT              | 09/06/2025 | Approval of the plan for the partial early redemption of the VND 350 billion bonds                                              |
| 16 | 16/NQ-HĐQT              | 30/06/2025 | Approval of the selection of the auditing firm for the 2025 fiscal year                                                         |



### III. Board of Supervisors (The first 6 months of 2025 Report)

#### 1. Information about members of the Board of Supervisors

| No | Members of the Board of Supervisors | Position                       | The date becoming a member of the Board of Supervisors |
|----|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1  | Mr. Nguyen Hai Hoang                | Head of Board of Supervisors   | 22/04/2022                                             |
| 2  | Ms. Huynh Thi Que Anh               | Member of Board of Supervisors | 22/04/2022                                             |
| 3  | Ms. Nguyen Thi Tuyet Loan           | Member of Board of Supervisors | 24/04/2014                                             |

#### 2. Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

| No | Members of the Board of Supervisors | Number of meetings attended | Attendance rate | Reasons for absence |
|----|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------|---------------------|
| 1  | Mr. Nguyen Hai Hoang                | 1/1                         | 100%            |                     |
| 2  | Ms. Huynh Thi Que Anh               | 1/1                         | 100%            |                     |
| 3  | Ms. Nguyen Thi Tuyet Loan           | 1/1                         | 100%            |                     |

#### 3. Supervising the Board of Directors, Board of Management, and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee

Supervising the company's business operations by participating in Board of Directors meetings and providing timely opinions on issues related to the company's interests.

Monitoring the issuance of Board of Directors' resolutions in accordance with the prescribed functions and duties, and overseeing the implementation of these resolutions by the Executive Board to ensure compliance with regulations in business operations.

The company consistently updates and submits reports on information disclosure in the securities market in accordance with the applicable legal regulations.

#### 4. The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, Board of Management, Board of Directors, and other managers

The Board of Directors and the Executive Board consistently provide documents, reports, and meeting minutes to the Supervisory Board for review, examination, and timely explanation of any requests made by the Supervisory Board. They also ensure all necessary conditions are in place for the Supervisory Board to fulfill its duties as outlined in its operational regulations.

#### 5. Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any): None



#### IV. Board of Management

| No | Members of the Board of Management | Date of birth | Qualification                                     | Date of appointment of members of the Board of Management |
|----|------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1  | Mr. Doan Van Thuan                 | 15/06/1967    | Master of Laws, Master of Business Administration | 19/06/2024                                                |
| 2  | Mr. Ho Hoan Thanh                  | 24/12/1970    | Master in Business Administration                 | 19/06/2024                                                |
| 3  | Mr. Le Van Hien                    | 08/12/1970    | Engineer in Construction                          | 21/8/2017                                                 |
| 4  | Mr. Nguyen Thanh Trung             | 04/12/1972    | Bachelor of Business Administration, Lawyer       | 11/04/2024                                                |

#### V. Chief Accountant

| No | Name                    | Date of birth | Qualification          | Date of appointment |
|----|-------------------------|---------------|------------------------|---------------------|
| 01 | Ms Huynh Thi Ngoc Tuyet | 12/08/1974    | Bachelor of Accounting | 30/12/2021          |

#### VI. Training courses on corporate governance

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Corporate Secretary participated in the "Corporate Governance" training program held on July 18–19, 2013, organized by the State Securities Commission in Binh Duong. They also regularly attend training sessions on corporate governance and the Law on Enterprises organized by the Ho Chi Minh City Stock Exchange and other functional units.

#### VII. The list of affiliated persons of the public company as stipulated in Clause 34, Article 6 of the Securities Law. (2025 semi - annual report) và and transactions of affiliated persons of the Company

1. The list of affiliated persons of the Company: **Appendix I is attached with the report.**
2. Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: **Appendix II is attached with the report.**
3. Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: None
4. Transactions between the Company and other objects: None



4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): **Appendix III is attached with the report.**

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None.

4.3. Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None.

**VIII. Share transactions of internal persons and their affiliated persons (The first 6 months of 2025 Report)**

1. The list of internal persons and their affiliated persons: **Appendix I is attached with the report.**

2. Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: **Appendix IV is attached with the report.**

**IX. Other significant issues: None**

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF  
DIRECTORS**



*Quảng Văn Việt Cường*



**APPENDIX I**  
**THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS OF BINH DUONG TRADE AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY**

Information finalized as of June 30, 2025

| No.  | Stock symbol | Full name                                                         | Securities trading account | Position at the company (if any), relationship | Relationship with the company and internal persons             | Type of NSH Document              |  |  |  |  | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of share ownership at the end of the | Date of becoming an insider/related person of the company | Notes |
|------|--------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------|
| 1    | 2            | 3                                                                 | 4                          | 5                                              | 6                                                              | 7                                 |  |  |  |  | 12                                              | 13                                              | 14                                                        | 15    |
| 1    | TDC          | Quang Van Viet Cuong                                              | 004CA10648                 | Chairman of the Board of Directors             |                                                                | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.01 | TDC          | Pham Thi Lan Thao                                                 | 004CA07377                 |                                                | Wife                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.02 | TDC          | Quang Quoc Truc                                                   |                            |                                                | Child                                                          | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.03 | TDC          | Quang Quoc Viet                                                   |                            |                                                | Child                                                          | None                              |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.04 | TDC          | Le Thi Thanh                                                      |                            |                                                | Biological Mother                                              | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.05 | TDC          | Quang Thi Tuyet Mai                                               |                            |                                                | Younger Sibling                                                | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.06 | TDC          | Nguyen Hoang Phuc                                                 |                            |                                                | Younger Brother-in-law                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.07 | TDC          | Quang Thi Tuyet Phuong                                            |                            |                                                | Younger Sibling                                                | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.08 | TDC          | Nguyen Minh Hoang                                                 |                            |                                                | Younger Brother-in-law                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.09 | TDC          | Quang Thi Tuyet Nhung                                             |                            |                                                | Younger Sibling                                                | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.10 | TDC          | Nguyen The Hung                                                   |                            |                                                | Younger Brother-in-law                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.11 | TDC          | Pham Thi Bay                                                      |                            |                                                | Mother-in-law                                                  | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.12 | TDC          | Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company            |                            |                                                | Related Organization - Vice Chairman of the Board of Directors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 11/11/2005                                                |       |
| 1.13 | TDC          | My Phuoc Hospital Joint Stock Company                             |                            |                                                | Related Organization - Chairman of the Board of Directors      | Business Registration Certificate |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 12/11/2005                                                |       |
| 1.14 | TDC          | Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company |                            |                                                | Related Organization - Vice Chairman of the Board of Directors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |                                                 |                                                 | 13/11/2005                                                |       |



**BC2507240229**

|      |     |                                                               |            |                                                            |                                                           |                                   |  |  |  |  |           |       |            |                                             |
|------|-----|---------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|-----------|-------|------------|---------------------------------------------|
| 2    | TDC | Doan Van Thuan                                                | 004CA02955 | Vice Chairman of the Board of Directors - General          |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  | 20.400    | 0,016 | 04/01/2002 |                                             |
| 2.01 | TDC | Nguyen Thi Ngoc Diep                                          | 004CA00032 |                                                            | Wife                                                      | Citizen Identity Card             |  |  |  |  | 2.000     | 0,001 | 04/01/2002 |                                             |
| 2.02 | TDC | Doan Van Thien                                                |            |                                                            | Child                                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.03 | TDC | Doan Thi Hoang Mai                                            |            |                                                            | Child                                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.04 | TDC | Pham Thi Ngoc                                                 |            |                                                            | Biological Mother                                         | ID Card (Old Format)              |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 | Citizen Identity Card not yet issued due to |
| 2.05 | TDC | Doan Thi Hanh                                                 |            |                                                            | Younger Sister                                            | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.06 | TDC | Nguyen Van Hung                                               |            |                                                            | Younger Brother-in-law                                    | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.07 | TDC | Doan Van Thao                                                 |            |                                                            | Younger Sibling                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.08 | TDC | Tran Thi Kim Thuy                                             |            |                                                            | Younger Sister-in-law                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.09 | TDC | Ha Tien Kien Giang - Becamex Cement Joint Stock Company (HBC) |            |                                                            | Related Organization - Chairman of the Board of Directors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.10 | TDC | Becamex Construction Material Joint Stock Company (CMC)       |            |                                                            | Related Organization - Chairman of the Board of Directors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 2.11 | TDC | My Phuoc Hospital Joint Stock Company                         |            |                                                            | Related Organization - Member of the Board of Directors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |           |       | 09/04/2021 |                                             |
| 2.12 | TDC | Eastern Educational Development Joint Stock Company           |            |                                                            | Related Organization - Member of the Board of Directors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |           |       | 04/01/2002 |                                             |
| 3    | TDC | Ho Hoan Thanh                                                 |            | Member of the Board of Directors - Deputy General Director |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  | 1.000.000 | 0,78  | 29/04/2014 |                                             |
| 3.01 | TDC | Ho Hoang Phuc Thinh                                           |            |                                                            | Child                                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.02 | TDC | Ho Hoang Phuc Khang                                           |            |                                                            | Child                                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.03 | TDC | Ho Van In                                                     |            |                                                            | Biological Father                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.04 | TDC | Dong Ngoc An                                                  |            |                                                            | Biological Mother                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.05 | TDC | Ho Thi My Hanh                                                |            |                                                            | Younger Sibling                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.06 | TDC | Ho Dong Tam                                                   |            |                                                            | Younger Sibling                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |
| 3.07 | TDC | Lu Nhut Chanh                                                 |            |                                                            | Younger Sister-in-law                                     | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |           |       | 29/04/2014 |                                             |



BC2507240229

|      |     |                      |  |                                                            |                        |                       |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|----------------------|--|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 3.08 | TDC | Ho Thi My Phuong     |  |                                                            | Younger Sibling        | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.09 | TDC | Nguyen Trung Nghia   |  |                                                            | Younger Brother-in-law | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.10 | TDC | Ho Thi My Duyen      |  |                                                            | Younger Sibling        | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 3.11 | TDC | Nguyen Do Minh Tuong |  |                                                            | Younger Brother-in-law | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 29/04/2014 |  |
| 4    | TDC | Le Van Hien          |  | Member of the Board of Directors - Deputy General Director |                        | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.01 | TDC | Nguyen Thi Bich Lieu |  |                                                            | Wife                   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.02 | TDC | Le Phat Dat          |  |                                                            | Child                  | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.03 | TDC | Le Phuong Uyen Nghi  |  |                                                            | Child                  | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.04 | TDC | Le My Thanh          |  |                                                            | Older Sister           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.05 | TDC | Ky Phi Hung          |  |                                                            | Older Brother-in-law   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.06 | TDC | Le My Phuong         |  |                                                            | Older Sister           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.07 | TDC | Le My Phuong         |  |                                                            | Older Sister           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.08 | TDC | Dinh Quang Hien      |  |                                                            | Older Brother-in-law   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.09 | TDC | Le My Nuong          |  |                                                            | Older Sister           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.10 | TDC | Nguyen Dinh Do       |  |                                                            | Older Brother-in-law   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.11 | TDC | Le My Hoa            |  |                                                            | Younger Sibling        | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.12 | TDC | Vo Anh Tuan          |  |                                                            | Younger Brother-in-law | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.13 | TDC | Le Van Binh          |  |                                                            | Younger Sibling        | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |
| 4.14 | TDC | Dinh Thi Phuong Lam  |  |                                                            | Younger Sister-in-law  | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 31/08/2017 |  |



BC2507240229

|      |     |                                                              |            |                                              |                                                         |                                   |  |  |  |  |         |      |            |  |
|------|-----|--------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|---------|------|------------|--|
| 5    | TDC | Dang Dinh Phuc                                               | 116C014574 | Independent Member of the Board of Directors |                                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  | 500.000 | 0,39 | 31/08/2017 |  |
| 5.01 | TDC | Dang Dinh Tuan                                               |            |                                              | Biological Father                                       | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.02 | TDC | Ha Thi Ngoc Cam                                              |            |                                              | Biological Mother                                       | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.03 | TDC | Tran Le Tram                                                 |            |                                              | Wife                                                    | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.04 | TDC | Dang Dinh Nhan                                               |            |                                              | Child                                                   | None                              |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.05 | TDC | Dang Dinh Phong                                              |            |                                              | Child                                                   | None                              |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.06 | TDC | Dang Tuan Phat                                               |            |                                              | Younger Sibling                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.07 | TDC | Phan Thi Bich Tram                                           |            |                                              | Younger Sibling-in-law                                  | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.08 | TDC | Tran Van Trung                                               |            |                                              | Father-in-law                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 5.09 | TDC | Le Thi Bong Cuc                                              |            |                                              | Mother-in-law                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 31/08/2017 |  |
| 6    | TDC | Nguyen Hai Hoang                                             |            | Head of the Board of Supervisors             |                                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 22/04/2022 |  |
| 6.01 | TDC | Nguyen Hai Bang                                              |            |                                              | Biological Father                                       | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 23/04/2022 |  |
| 6.02 | TDC | Vo Thi Phuoc                                                 |            |                                              | Biological Mother                                       | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 24/04/2022 |  |
| 6.03 | TDC | Nguyen Thi My Tra                                            |            |                                              | Younger Sister                                          | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 25/04/2022 |  |
| 6.04 | TDC | Nguyen Tuyet Phuong Anh                                      |            |                                              | Wife                                                    | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.05 | TDC | Nguyen Huu Tu                                                |            |                                              | Father-in-law                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.06 | TDC | Le Tuyet Nhung                                               |            |                                              | Mother-in-law                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |
| 6.07 | TDC | Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company (IJC) |            |                                              | Related Organization - Head of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |         |      | 15/12/2022 |  |



BC2507240229



|      |     |                                                                       |                          |                                    |                                                           |                                   |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 6.08 | TDC | Becamex Urban Development Joint Stock Company (UDJ)                   |                          |                                    | Related Organization - Head of the Board of Supervisors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 6.09 | TDC | Binh Duong Construction & Civil Engineering Joint Stock Company (BCE) |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 6.10 | TDC | Viet Nam Technology & Telecommunication Joint Stock Company (VNTT)    |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 15/12/2022 |  |
| 7    | TDC | Huynh Thi Que Anh                                                     | 004CA11072<br>091C608022 | Member of the Board of Supervisors |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.01 | TDC | Huynh Thanh Tan                                                       |                          |                                    | Biological Father                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.02 | TDC | Pham Nguyen Quoc Thong                                                | 105C243906               |                                    | Husband                                                   | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.03 | TDC | Pham Huynh Anh Minh                                                   |                          |                                    | Child                                                     | None                              |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.04 |     | Pham Nhat Thien                                                       |                          |                                    | Child                                                     | None                              |  |  |  |  |  |  | 22/04/2022 |  |
| 7.05 | TDC | Huynh Thi Que Chi                                                     |                          |                                    | Younger Sibling                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.06 | TDC | Ngo Duc Phuc                                                          |                          |                                    | Younger Brother-in-law                                    | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.07 | TDC | Pham Van Dang                                                         |                          |                                    | Father-in-law                                             | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.08 | TDC | Nguyen Thi Nguyet                                                     |                          |                                    | Mother-in-law                                             | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.09 | TDC | Binh Duong Construction & Civil Engineering Joint Stock Company (BCE) |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.10 | TDC | Investment And Industrial Development Joint Stock Corporation (BCM)   |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.11 | TDC | Becamex Urban Development Joint Stock Company (UDJ)                   |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.12 | TDC | Binh Duong Rubber Joint Stock Company                                 |                          |                                    | Related Organization - Head of the Board of Supervisors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 04/04/2025 |  |
| 7.13 | TDC | Savi Pharmaceutical Joint Stock Company                               |                          |                                    | Related Organization - Head of the Board of Supervisors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 25/02/2025 |  |
| 7.14 | TDC | Becamex - VSIP Power Investment And Development Joint Stock Company   |                          |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 10/02/2025 |  |



BC2507240229

|      |     |                                                                            |  |                                    |                                                           |                                   |  |  |  |  |  |  |            |  |
|------|-----|----------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 7.16 | TDC | Becamex International General Hospital Joint Stock Company                 |  |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 22/4/2022  |  |
| 7.17 | TDC | Becamex Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company          |  |                                    | Related Organization - Member of the Board of Supervisors | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 05/04/2024 |  |
| 7.18 | TDC | Ho Chi Minh City - Thu Dau Mot - Chon Thanh Expressway Joint Stock Company |  |                                    | Related Organization - Head of the Board of Supervisors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 04/04/2025 |  |
| 8    | TDC | Nguyen Thi Tuyet Loan                                                      |  | Member of the Board of Supervisors |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.01 | TDC | Nguyen Viet Nam                                                            |  |                                    | Biological Father                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.02 | TDC | Tran Thi Sau                                                               |  |                                    | Biological Mother                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.03 | TDC | Nguyen Chi Dai                                                             |  |                                    | Husband                                                   | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.04 | TDC | Nguyen Viet Cuong                                                          |  |                                    | Younger Brother                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.05 | TDC | Nguyen Thi Hong Oanh                                                       |  |                                    | Younger Sister                                            | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.06 | TDC | Pham Huynh Son                                                             |  |                                    | Younger Brother-in-law                                    | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 8.07 | TDC | Ha Tien Kien Giang - Becamex Cement Joint Stock Company                    |  |                                    | Related Organization - Head of the Board of Supervisors   | Business Registration Certificate |  |  |  |  |  |  | 24/04/2014 |  |
| 9    | TDC | Nguyen Thanh Trung                                                         |  | Deputy General Director            |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.01 | TDC | Nguyen Van Trung                                                           |  |                                    | Biological Father                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.02 | TDC | Nguyen Kim Dot                                                             |  |                                    | Biological Mother                                         | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.03 | TDC | Nguyen Thi Thom                                                            |  |                                    | Mother-in-law                                             | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.04 | TDC | Nguyen Thi Ngoc Hoa                                                        |  |                                    | Wife                                                      | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 9.05 | TDC | Nguyen Ngoc Thuy Tram                                                      |  |                                    | Daughter                                                  | None                              |  |  |  |  |  |  | 11/04/2024 |  |
| 10   | TDC | Huynh Thi Ngoc Tuyet                                                       |  | Chief Accountant                   |                                                           | Citizen Identity Card             |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |



BC2507240229

|       |     |                   |            |                                |                   |                       |  |  |  |  |  |  |            |  |
|-------|-----|-------------------|------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|
| 10.01 | TDC | Huynh Van Hung    |            |                                | Biological Father | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.02 | TDC | Nguyen Thi Lan    |            |                                | Biological Mother | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.03 | TDC | Huynh Minh Tam    |            |                                | Younger Sibling   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.04 | TDC | Huynh Minh Su     |            |                                | Younger Sibling   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.05 | TDC | Tran Viet Khoi    |            |                                | Husband           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.06 | TDC | Tran Gia Khiem    |            |                                | Child             | None                  |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 10.07 | TDC | Tran Gia Han      |            |                                | Child             | None                  |  |  |  |  |  |  | 30/12/2021 |  |
| 11    | TDC | Trinh Thi Thu     | 004CA10754 | Information Disclosure Officer |                   | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.01 | TDC | Nguyen Van Pha    |            |                                | Husband           | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.02 | TDC | Nguyen Tuan Duong |            |                                | Child             | None                  |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.03 | TDC | Nguyen Xuan Vinh  |            |                                | Child             | None                  |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.04 | TDC | Trinh Van Ai      |            |                                | Biological Father | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.05 | TDC | Pham Thi Thanh    |            |                                | Biological Mother | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.06 | TDC | Ha Thi Xuan       |            |                                | Mother-in-law     | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |
| 11.07 | TDC | Nguyen Van Ky     |            |                                | Father-in-law     | Citizen Identity Card |  |  |  |  |  |  | 08/05/2013 |  |



BC2507240229

## APPENDIX II

### TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS, ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

**REPORTING PERIOD: THE FIRST 6 MONTHS OF 2025**

| No. | Company Name                                            | Relationship with the Company | Head Office Address                                                             | Transaction Period         | Resolution Number Approved by the Board of Directors (if any) | Transaction Details                                            | Transaction Value |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | Investment and Industrial Development Corporation - JSC | Affiliated Company of TDC     | WTC Tower, No. 1 Hung Vuong Street, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City           | From February to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Sale of finished goods and construction works                  | 94.105.281.485    |
|     |                                                         |                               |                                                                                 |                            |                                                               | Purchase of goods and services, lease of premises              | 50.756.487.085    |
| 2   | Becamex Construction Materials Joint Stock Company      | Subsidiary of TDC             | Plot No. 1113, Map No. 61, Muong Dao Hamlet, Long Nguyen Ward, Ho Chi Minh City | From February to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Sale of goods, finished products, and services                 | 4.215.059.718     |
|     |                                                         |                               |                                                                                 |                            |                                                               | Purchase of raw materials and goods                            | 3.655.731.204     |
|     |                                                         |                               |                                                                                 |                            |                                                               | Dividends, capital contribution increase, and penalty interest | 2.916.000.000     |



| No. | Company Name                                                        | Relationship with the Company | Head Office Address                                                                                   | Transaction Period         | Resolution Number Approved by the Board of Directors (if any) | Transaction Details                                     | Transaction Value |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 3   | Ha Tien Kien Giang - Becamex Cement Joint Stock Company             | Subsidiary of TDC             | Lot G, 1A, CN, D1 Street, My Phuoc 1 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City                  | From February to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of raw materials and goods                     | 63.842.595        |
| 4   | SinViet Joint Investment Company Limited                            | Joint Venture                 | No. 2B Tu Do Boulevard, Vietnam – Singapore Industrial Park, Thuan An Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam | From January to June 2025  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of goods and services; profit sharing          | 120.114.000       |
| 5   | Vietnam Technology and Communications Joint Stock Company           | Group-affiliated company      | 21 VSIP II, Street No. 1, VSIP II Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City                  | From January to June 2025  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of services, goods, and construction works     | 314.713.953       |
| 6   | Binh Duong Construction & Civil Engineering Joint Stock Company     | Group-affiliated company      | Dong Khoi Street, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City                                                   | June 2025                  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Construction works, sale of goods and finished products | 67.876.034.706    |
| 7   | Becamex – Binh Phuoc Infrastructure Development Joint Stock Company | Group-affiliated company      | National Highway 14, Group 8, Quarter 3, Chon Thanh Ward, Dong Nai Province                           | From January to June 2025  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of goods and services                          | 109.676.659       |
|     |                                                                     |                               |                                                                                                       |                            |                                                               | Sale of goods and finished products                     | 4.131.923.678     |



| No. | Company Name                                                                          | Relationship with the Company               | Head Office Address                                                         | Transaction Period         | Resolution Number Approved by the Board of Directors (if any) | Transaction Details                                                      | Transaction Value |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 8   | Becamex IDC Corp Branch – Management Board for Binh Duong Integrated Development Area | Group-affiliated company                    | Becamex Tower, 230 Binh Duong Boulevard, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City | From January to March 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Sale of goods and finished products                                      | 7.710.185         |
| 9   | Becamex Trade Company Limited                                                         | Group-affiliated company                    | Ly Thai To Street, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City                        | From February to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Sale of goods and finished products                                      | 943.268.522       |
| 10  | My Phuoc Hospital Joint Stock Company                                                 | Group-affiliated company                    | My Phuoc Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City                    | June 2025                  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Dividends received                                                       | 1.360.000.000     |
| 11  | VNTT Solutions Company Limited                                                        | Group-affiliated company                    | VSIP II Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City                  | January 2025               | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of goods and services                                           | 135.000.000       |
| 12  | VSIP Hai Phong Company Limited                                                        | Affiliated company of the investing company | Urban-Industrial-Service Area, Thuy Nguyen Ward, Hai Phong City, Vietnam    | From January to June 2025  | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Interim distribution of profit from business cooperation                 | 129.367.926.790   |
|     |                                                                                       |                                             |                                                                             |                            |                                                               | Advance repayment of part of capital contributed to business cooperation | 394.840.669.585   |



### APPENDIX III

#### TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND RELATED PARTIES OF THE INTERNAL PERSON

**REPORTING PERIOD: THE FIRST 6 MONTHS OF 2025**

| No. | Company Name                                          | Head Office Address                                                                          | Relationship with The Internal Person                                                                                                                 | Transaction Period        | Resolution Number Approved by the Board of Directors (if any) | Transaction Details                                            | Transaction Value (Unit: VND) |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Becamex Construction Materials Joint Stock Company    | Plot No. 1113, TBD No. 61, Muong Dao Hamlet, Long Nguyen Commune, Ho Chi Minh City           | Vice Chairman of the Board of Directors of TDC JSC cum General Director, concurrently Chairman of the Board of Directors of CMC Company               | From January to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Sale of goods, finished products, and services                 | 4.215.059.718                 |
|     |                                                       |                                                                                              |                                                                                                                                                       |                           |                                                               | Purchase of raw materials and goods                            | 3.655.731.204                 |
|     |                                                       |                                                                                              |                                                                                                                                                       |                           |                                                               | Dividends, capital contribution increase, and penalty interest | 2.916.000.000                 |
| 2   | Ha Tien Kien Giang-Becamex Cement Joint Stock Company | Lot G-1A-CN, D1 Road, MP1 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City                    | Vice Chairman of the Board of Directors of TDC JSC cum General Director, concurrently Chairman of the Board of Directors of CMC Company               | From January to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of raw materials and goods                            | 63.842.595                    |
| 3   | SinViet Joint Investment Company Limited              | No. 2B, Tu Do Boulevard, Viet Nam Singapore Industrial Park, Thuan An Ward, Ho Chi Minh City | Vice Chairman of the Board of Directors of TDC JSC cum General Director, concurrently Vice Chairman of the Board of Directors of SinViet JI Co., Ltd. | From January to June 2025 | 01/NQ-HĐQT dated 10/01/2025                                   | Purchase of goods and services, profit sharing                 | 120.114.000                   |



**APPENDIX IV**  
**REPORT ON SHARE TRANSACTIONS OF INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS**  
**REPORTING PERIOD: THE FIRST 06 MONTHS OF 2025**

| Transacting Person | Position                                                     | Related Person |          | Shares before Transaction | Registered |        |            |            | Result    |        |                | Shares after Transaction | Ratio % |
|--------------------|--------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------------------------|------------|--------|------------|------------|-----------|--------|----------------|--------------------------|---------|
|                    |                                                              | Name           | Position |                           | Buy        | Sell   | Start Date | End Date   | Buy       | Sell   | Execution Date |                          |         |
| Mr. Dang Dinh Phuc | Independent Member of the Board of Directors                 |                |          | 139.000                   |            | 39.000 | 20/02/2025 | 20/03/2025 |           | 39.000 | 20/03/2025     | 100.000                  | 0,1     |
| Mr. Dang Dinh Phuc | Independent Member of the Board of Directors                 |                |          | 100.000                   | 400.000    |        | 14/05/2025 | 12/06/2025 | 400.000   |        | 22/05/2025     | 500.000                  | 0,39    |
| Mr. Ho Hoan Thanh  | Member of the Board of Directors cum Deputy General Director |                |          | 0                         | 1.000.000  |        | 14/05/2025 | 12/06/2025 | 1.000.000 |        | 22/05/2025     | 1.000.000                | 0,78    |



BC2507240229



Form NY-02  
REPORTS ON CORPORATE GOVERNANCE

BINH DUONG TRADE AND  
DEVELOPMENT JOINT - STOCK  
COMPANY  
-----

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

No: 01/BCCTTQT

Tp. Hồ Chí Minh, July 23, 2025

**INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE**

*Reporting period: The first six months of fiscal year 2025*

To: Ho Chi Minh Stock Exchange

| No. |                                            | Question                                                                                                                                                                                            | Answer     |
|-----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>General Information</b>                 | Securities code                                                                                                                                                                                     | TDC        |
| 2   |                                            | The shareholding proportion of State shareholder (%)                                                                                                                                                | 47,71%     |
| 3   |                                            | Company's model (1 or 2)<br>▪ 1: According to Point a Item 1, Article 137, Law on Enterprise 2020.<br>▪ 2: According to Point b Item 1, Article 137, Law on Enterprise 2020.                        | 1          |
| 4   |                                            | Number of legal representatives?                                                                                                                                                                    | 1          |
| 5   |                                            | Company Charter built in accordance with Law on Enterprise 2020 (Yes/No)?                                                                                                                           | Yes        |
| 6   |                                            | Does the company have Internal regulations on corporate governance in accordance with the Law on Enterprises 2020 and Decree 155/2020/ND-CP?                                                        | Yes        |
| 7   | <b>The General Meeting of Shareholders</b> | Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders                                                                                                                                        | 24/04/2025 |
| 8   |                                            | Release date of the General Meeting of Shareholders' documents during the reporting period                                                                                                          | 01/04/2025 |
| 9   |                                            | Release date of the Resolution and Minutes of the General Meeting of Shareholders                                                                                                                   | 25/04/2025 |
| 10  |                                            | General Meeting of Shareholders was successfully at 1st, 2nd or 3rd                                                                                                                                 | 1          |
| 11  |                                            | Has the company been involved in any lawsuits regarding the organization of the Annual General Meeting or the Resolution of the Annual General Meeting? (Yes/No)                                    | No         |
| 12  |                                            | Number of times the Stock Exchange has issued reminders or warnings related to the organization and disclosure of information regarding the General Meeting of Shareholders.                        | 0          |
| 13  |                                            | Number of times the State Securities Commission of Vietnam has issued reminders or warnings related to the organization and disclosure of information regarding the General Meeting of Shareholders | 0          |
| 14  | <b>Board of Directors</b>                  | Number of BOD members                                                                                                                                                                               | 5          |
| 15  |                                            | Number of independent BOD members                                                                                                                                                                   | 1          |

| No. |                   | Question                                                                                                                                                          | Answer     |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 16  |                   | Does Chair of the BOD concurrently hold the Chief Executive Officer/General Director position? (Yes/No)                                                           | No         |
| 17  |                   | Number of BOD meetings                                                                                                                                            | 16         |
| 18  |                   | Does the company establish sub-boards under the BOD?                                                                                                              | No         |
| 19  |                   | Name of sub-boards directly under the BOD?                                                                                                                        | No         |
| 20  |                   | Does the company have an Independent Member of the BOD in charge of remuneration and human resources? (Yes/No)                                                    | No         |
| 21  |                   | Does the company designate a person in charge of corporate governance?                                                                                            | Yes        |
| 22  | Supervisory Board | Is the Head of Supervisory Board full-time contracted at the company?                                                                                             | No         |
| 23  |                   | No. of member of Supervisory Board                                                                                                                                | 3          |
| 24  |                   | Number of Supervisory Board's Members is the related person of BOD members, CEO/General Director and other managers ( <i>detailed list, if any</i> )              | 0          |
| 25  |                   | Number of Supervisory Board Members holding managing positions? ( <i>detailed list, if any</i> )                                                                  | 0          |
| 26  |                   | Number of Supervisory Board Members worked in the financial and accounting department or as the auditor for the company in the <b>previous 3 years</b> ? (Yes/No) | 0          |
| 27  |                   | Number of meetings of Supervisory Board                                                                                                                           | 1          |
| 28  |                   | Does the company have an Audit Committee? (Yes/No)                                                                                                                | No         |
| 29  |                   | Is the Audit Committee under the Board of Directors?                                                                                                              | No         |
| 30  |                   | Number of members of the Audit committee?                                                                                                                         | 0          |
|     |                   | Number of meetings of the Audit committee?                                                                                                                        | 0          |
| 31  | Other issues      | Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)                                                                 | Yes        |
| 32  |                   | Is dividend paid within 6 months after the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)                                                                       | No payment |
| 33  |                   | Does the Stock Exchange or the State Securities Commission warn the company of illegal transactions with related parties? (Yes/No)                                | No         |

**Representative of the Organization**  
**Legal Representative**  
**General Director**  
  
**Doan Van Thuan**